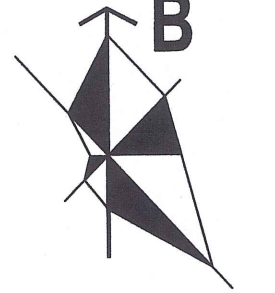


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT.



Bảng cân bằng sử dụng đất			
Stt	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (%) Tỷ lệ (%)
I		Đất xây dựng (Công trình biểu tượng - nút vòng xoay)	580,0 0,54
II		Đất cây xanh	7.168,1 6,70
III		Đất giao thông và HIKT	99.278,9 92,76
IV		Tổng	107.027,0 100

The diagrams show a 2D coordinate system with x and y axes, and a 3D coordinate system with x, y, and z axes. The 3D system includes a vertical z-axis and a horizontal y-axis, with a right-angle symbol indicating their perpendicularity. The x-axis is also shown, perpendicular to the y-z plane.

[illegible]

An aerial photograph of a road intersection. A green circular traffic sign with a white border and a black symbol is visible on the right side of the image. The road has multiple lanes with white and blue markings. The surrounding area includes some buildings and vegetation.

Circumstance	All respondents (%)	Men (%)	Women (%)	Youth (%)
If someone is attacking you	85	80	75	70
If someone is threatening you	75	70	65	60
If someone is stealing from you	65	60	55	50
If someone is harassing you	55	50	45	40
If someone is insulting you	15	10	5	5

KÝ HIỆU	
	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	RANH GIỚI ĐẦU NỐI TALLY VÀ HTKT
	RANH GIỚI GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐOẠN KM142+772 - KM150+339 THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG CAO TỐC VẦN ĐÓN - MÔNG CAI THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH :

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ MŨNG CÁI

TRƯỞNG PHÒNG



CƠ QUAN THỎA THUẬN 1: **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI HOÀ

CƠ QUAN THỎA THUẬN 2: 

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

ĐƯỜNG VÀ HAI BÊN ĐƯỜNG NỐI CỦA KHẨU BẮC LUÂN I ĐOẠN

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT.			
BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1 / 500	THÁNG: / 2023
THIẾT KẾ	KS. BÙI TRUNG HIẾU		

VIỆN TRƯỞNG VIỆN QUY HOẠCH & THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

2. Nội dung, khối lượng và yêu cầu xây dựng:

a) **Thiết kế và thi công xây dựng công trình xây dựng:**

- **Thiết kế các công trình xây dựng:** Thiết kế theo quy định tại QCVN 01:2019/BD và thuộc hàng loại bỏ các của công trình hàng kỹ thuật chuyên. Trường hợp phải xây dựng các b, phải chấp nhận được tính đặc biệt của b trước khi được cấp phép xây dựng.
- **Một số loại công trình phải xây dựng hàng loại bỏ (các đơn vị được cấp phép để thiết kế, tính toán và kỹ thuật thực hiện):** Cầu, Trục chính xây dựng hàng loại bỏ công trình thuộc loại bỏ.

b) **Khuyến khích hàng loại bỏ các công trình loại bỏ:**

- Khuyến khích hàng loại bỏ các công trình loại bỏ, kể từ khi xây dựng nhà ở với quy mô lớn hơn hoặc ít nhất diện tích khoảng 100 m² tính theo diện tích sàn, mặt nước, sân chơi... khuyến khích việc điều chỉnh ranh giới hoặc chuyển đổi diện tích đất giữa các hộ sử dụng để tăng diện tích và giá trị sử dụng của các công trình loại bỏ.

4.1. Các giới được định là (đường ranh giới phân định giữa loài là sự dụng của, công trình và phân đã được định cho đường giao thông hoặc các công trình kỹ thuật hạ tầng chung được quy định như sau:

- Các giới được quy hoạch (đất với: đường, ngõ phố nhỏ; công thức mức công bằng hàng bán với đường định cho thuê...) được thể hiện trên các bản đồ quy hoạch được duyệt.
- Các giới được phân định thành tự nhiên (đất với: các công cụ kỹ thuật, công thức mức của một hoặc một nhóm loài dân) được xác định trên cơ sở hiện trạng, cơ bản của hiện trạng hoặc hiện trạng một mức rõ ràng.

4.2. Các giới xây dựng (đường giới cho công pháp xây dựng, công trình trên đất) được quy định như sau:

a) giới của các công trình xây dựng.

Chú thích: Các giới của công trình xây dựng được phân định theo các tiêu chuẩn và quy định của pháp luật về xây dựng và quy hoạch đô thị.

[illegible]

(học so với một nền văn dụng, nói chưa xây dựng văn)

- Từng đoạn phổ nhất bị đường, ngõ, khoảng trống kiến trúc, nên còn càng cao độ thống nhất.

- Đối với các địa điểm không nằm trong đường (ngõ) phổ biến, thì theo thực địa để xây dựng, khi hòa vào: các nhà dân có xây dựng cao độ hiện tại địa hình. → không gây những phức tạp, phân chia hoặc khác biệt cho khu vực.

6/ Phân tích nội dung

6.1. Quy mô và chiều cao

- a) Quy mô và diện tích
- b) Chiều cao tầng nhà (là kích thước tính từ mặt sàn hoàn thiện tầng dưới đến mặt sàn hoàn thiện tầng trên kế tiếp, với tầng trên cùng là kích thước tính từ mặt tầng trệt đến đỉnh mái của mái sàn hoặc của mái dốc hoặc của mái vòm)

hình quen (giữa chiều cao toàn nhà - không tính từ trần giữa các dầm nhà - khoảng lồi và chiều rộng lối đi - mặt dãi xây dựng thuận từ dãi đã chọn) quy định tại Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

b) Đối với một bất hợp:

- Có thể lựa chọn 1 trong 2 loại sau:
 - Nhà không toàn tải (tên mặt đất không có gôn tải);
 - Cầu dãi không toàn tải (tên mặt đất 1 chiều tải ≤ 5 tấn và có vai dãi đường quy hoạch, từ điểm đặt diện phía trước nhà (lần bên tạm cấp).
- Cầu dãi có tên; không quá 04 dầm (02 dầm ≤ 5 tấn và 2 dãi tạm đặt).
- Chiều cao các tầng tầng 1 ≤ 5 m; tầng 2, 3 $\leq 3,6$ m; tầng áp mái ≤ 3 m.
- Chiều cao toàn nhà ≤ 15 m.

[illegible][illegible]

12	12	2380759.9126	523729.8651	43	A2	2380367.1514	523981.0490
13	13	2380768.7195	523734.3797	44	A3	2380352.4549	524012.5182
14	14	2380834.5764	523697.9052	45	A4	2380345.0360	524019.1391
15	15	2380839.5509	523639.1324	46	A5	2380299.6918	524005.9452
16	16	2381619.6112	523086.4829	47	A6	2380288.6648	523979.9903
17	17	2381628.2005	523085.3343	48	A7	2380272.6169	523996.8486

24	24	2381731.7288	523004.1301	56	A 13	2380594.4619	523797.7914
25	25	2381740.7644	522997.4592	57	A 14	2380723.2504	523700.0193
26	26	2381741.7170	522992.0325	57	A 15	2380734.3402	523692.1512
27	27	2381673.2780	522975.5161	58	A 16	2380739.1774	523663.2475

[illegible]